CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /202../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 202..*

Dự thảo 4

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại.thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;

Thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (Hiệp định UKVFTA).

2. Nghị định này không áp dụng đối với việc nhập khẩu hàng hóa tân trang phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp tân trang, cơ sở tân trang, chủ sở hữu nhãn hiệu, thương nhân nhập khẩu hàng hóa tân trang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới dây được hiểu như sau:

1. Hàng hóa tân trang là sản phẩm:

a) Được liệt kê theo mã hàng tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII kèm theo Nghị định này; và

b) Được cấu tạo hoàn toàn hoặc một phần từ các bộ phận của sản phẩm đã được sử dụng trước đó; và

c) Có thời hạn sử dụng tương tự như thời hạn sử dụng của chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng; và

d) Thực hiện được toàn bộ các chức năng hoạt động tương tự như chức năng của chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng, với chất lượng, hiệu quả thực hiện không thay đổi hoặc tương tự như chất lượng, hiệu quả thực hiện của chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng; và

đ) Có chế độ bảo hành, bảo dưỡng như chế độ bảo hành, bảo dưỡng áp dụng cho chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng.

2. Doanh nghiệp tân trang là doanh nghiệp thành lập và đăng ký hoạt động tại nước ngoài, giữ vai trò chính trong việc tổ chức sản xuất ra hàng hóa tân trang và thực hiện các thủ tục để đưa hàng hóa tân trang vào lưu thông.

3. Chủ sở hữu nhãn hiệu là tổ chức, cá nhân sở hữu hợp pháp nhãn hiệu của hàng hóa ban đầu hoặc của hàng hóa mà hàng hóa tân trang được sử dụng làm chi tiết, linh kiện, phụ tùng thay thế.

4. Cơ sở tân trang là nơi thực hiện một hoặc nhiều công đoạn để sản xuất ra hàng hóa tân trang.

5. Năng lực tân trang là năng lực sản xuất ra hàng hóa tân trang đáp ứng được các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Mã hàng là mã phân loại hàng hóa theo Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa do Tổ chức Hải quan Thế giới phát hành được thể hiện tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

7. Hàng hóa mới cùng loại là hàng hóa có cùng tên gọi, mô tả, mã hàng với hàng hóa tân trang.

8. Hàng hóa ban dầu là hàng hóa trước khi trải qua quá trình phục hồi, tân trang.

Chương II
HÀNG HÓA TÂN TRANG THEO HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA

Điều 4. Danh mục hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

1. Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Phụ lục I Nghị định này.

2. Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế tại Phụ lục II Nghị định này.

3. Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục III Nghị định này.

4. Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương tại Phụ lục IV Nghị định này.

5. Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Phụ lục V Nghị định này.

6. Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Phụ lục VI Nghị định này.

7. Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Phụ lục VII Nghị định này.

8. Việc áp dụng cột "Mã hàng" và cột "Mô tả hàng hóa" tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII của Nghị định này thực hiện theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 5. Điều kiện đối với hàng hóa tân trang nhập khẩu

1. Hàng hóa tân trang nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA do cơ quan cấp phép cấp theo quy định tại Nghị định này.

b) Đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA.

2. Khi đưa ra lưu thông trên thị trường, trên nhãn gốc hoặc nhãn phụ của hàng hóa tân trang phải thể hiện bằng tiếng Việt cụm từ "Hàng hóa tân trang" ở vị trí và với kích cỡ có thể nhìn thấy và đọc được bằng mắt thường.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

Áp dụng quy định pháp luật về quản lý ngoại thương, thương mại, pháp luật chuyên ngành, pháp luật thuế, hải quan, pháp luật khác đối với hàng hóa tân trang đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này như áp dụng với hàng hóa mới cùng loại nhập khẩu vào Việt Nam.

Chương III
MÃ SỐ TÂN TRANG

Điều 7. Mã số tân trang

1. Mã số tân trang được Bộ Công Thương cấp cho doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu chứng minh được năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ của hàng hóa, quyền sử dụng nhãn hiệu theo quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp tân trang thiết bị y tế, ngoài yêu cầu về năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ của hàng hóa, quyền sử dụng nhãn hiệu, doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu cần chứng minh được cơ sở tân trang thiết bị y tế đáp ứng Hướng dẫn thực hành sản xuất tân trang tốt (Good Remanufactured Practice - GRP) hoặc đáp ứng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn khác đối với cơ sở tân trang theo pháp luật của nước sở tại.

3. Mã số tân trang có thời hạn hiệu lực tối đa là 5 năm kể từ ngày cấp.

Điều 8. Hồ sơ cấp Mã số tân trang

1. Doanh nghiệp tân trang hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu (sau đây gọi là doanh nghiệp đề nghị) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Mã số tân trang qua đường bưu điện (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng) tới Bộ Công Thương.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Mã số tân trang bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính).

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đề nghị hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương (01 bản sao kèm 01 bản dịch tiếng Việt nếu ngôn ngữ sử dụng tại bản sao không phải là tiếng Việt, cả 2 bản được xác thực bởi doanh nghiệp đề nghị).

c) Tài liệu thuyết minh năng lực tân trang, được lập cho từng mã hàng tân trang đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi người ký Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang).

d) Tài liệu thuyết minh việc hàng hóa tân trang đáp ứng được quy tắc xuất xứ theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA, được lập cho từng mã hàng tân trang đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi người ký Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang).

đ) Bản cam kết dành chế độ bảo hành, bảo dưỡng cho hàng hóa tân trang như chế độ bảo hành, bảo dưỡng dành cho chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng, được lập cho từng mã hàng tân trang đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi người ký Đơn đề nghị cấp Mã số tân trang).

e) Văn bản của chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép hàng hóa tân trang được sử dụng nhãn hiệu của hàng hóa ban đầu hoặc được sử dụng cho hàng hóa mà mình sở hữu nhãn hiệu trong trường hợp hàng hóa tân trang là chi tiết, linh kiện, phụ tùng thay thế (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu).

g) Tài liệu chứng minh các cơ sở tân trang thiết bị y tế đáp ứng Hướng dẫn thực hành sản xuất tân trang tốt (Good Remanufactured Practice - GRP) hoặc đáp ứng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn khác đối với cơ sở tân trang theo pháp luật của nước sở tại.

Điều 9. Yêu cầu đối với tài liệu thuyết minh năng lực tân trang

Tài liệu thuyết minh năng lực tân trang tối thiểu cần:

1. Thuyết minh rõ ràng và đầy đủ về công nghệ, phương pháp, máy móc, thiết bị, chi tiết, linh kiện, phụ tùng sử dụng trong quy trình tân trang đến mức căn cứ vào thuyết minh này, người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể hiểu và đánh giá được kết quả của quá trình tân trang.

2. Thuyết minh rõ ràng và đầy đủ về quy trình kiểm tra chất lượng để chứng minh rằng hàng hóa tân trang đã được kiểm tra, thử nghiệm một cách khách quan, trung thực và kỹ càng để đạt được thông số kỹ thuật và chất lượng tương đương với thông số kỹ thuật và chất lượng của chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng. Các chứng chỉ chất lượng kèm theo, nếu có, phải được dịch

sang tiếng Việt nếu sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Việt, được xác thực bởi doanh nghiệp đề nghị.

3. Thuyết minh rõ ràng và đầy đủ về các lý do giúp doanh nghiệp đề nghị tin rằng hàng hóa tân trang có được thời hạn sử dụng tương tự như thời hạn sử dụng của chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng và thực hiện được toàn bộ các chức năng như chức năng của chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng, với chất lượng, hiệu quả thực hiện không thay đổi hoặc tương đương.

4. Thể hiện những lưu ý đặc biệt đối với việc vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, sử dụng và tiêu hủy hàng hóa tân trang nếu những lưu ý này đã được áp dụng cho chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng.

5. Kèm theo hình ảnh (có mẫu) của hàng hóa tân trang và của nhãn hàng hóa tân trang.

Điều 10. Yêu cầu đối với tài liệu thuyết minh việc hàng hóa tân trang đáp ứng được quy tắc xuất xứ theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA.

Tài liệu thuyết minh việc hàng hóa tân trang đáp ứng được quy tắc xuất xứ theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA tối thiểu cần:

1. Trình bày được quy tắc xuất xứ mà Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng cho loại hàng hóa tân trang đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Trình bày được các lý do giúp doanh nghiệp đề nghị tin rằng hàng hóa tân trang đáp ứng được quy tắc xuất xứ nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Yêu cầu đối với Bản cam kết dành chế độ bảo hành, bảo dưỡng cho hàng hóa tân trang

Bản cam kết dành chế độ bảo hành, bảo dưỡng cho hàng hóa tân trang tối thiểu cần:

1. Cam kết một cách rõ ràng, đầy đủ về việc dành cho hàng hóa tân trang chế độ bảo hành, bảo dưỡng như chế độ bảo hành, bảo dưỡng dành cho chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng.

2. Kèm theo các tài liệu có liên quan để chứng minh cam kết nêu tại khoản 1 Điều này (danh sách các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng hàng hóa tân trang tại Việt Nam kèm theo văn bản chấp thuận nghĩa vụ bảo hành, bảo dưỡng hàng hóa tân trang của từng cơ sở bảo hành, bảo dưỡng (nếu đang áp dụng cho chính hàng hóa đó khi chưa sử dụng); giấy bảo hành, bảo dưỡng, thẻ bảo hành, bảo dưỡng của chính loại hàng hóa đó khi chưa qua sử dụng. Tài liệu chứng minh phải

được dịch sang tiếng Việt nếu sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Việt, được xác thực bởi doanh nghiệp đề nghị.

Điều 12. Yêu cầu đối với văn bản của chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép hàng hóa tân trang được sử dụng nhãn hiệu của hàng hóa ban đầu hoặc được sử dụng cho hàng hóa mà mình sở hữu nhãn hiệu

Văn bản của chủ sở hữu nhãn hiệu nêu tại Điều này tối thiểu cần:

1. Chứng minh được quyền sở hữu nhãn hiệu. Tài liệu chứng minh phải được dịch sang tiếng Việt nếu sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Việt, được xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu.

2. Thể hiện một cách rõ ràng, đầy đủ và không thể nhầm lẫn về việc chủ sở hữu nhãn hiệu đồng ý cho hàng hóa tân trang trong Đơn đề nghị cấp mã số tân trang và doanh nghiệp đề nghị được phép sử dụng nhãn hiệu của hàng hóa ban đầu, hoặc hàng hóa tân trang được phép sử dụng như là chi tiết, linh kiện, phụ tùng thay thế cho hàng hóa mà mình sở hữu nhãn hiệu nếu hàng hóa tân trang là chi tiết, linh kiện, phụ tùng thay thế.

Điều 13. Quy trình cấp Mã số tân trang

1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng) cho doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện.

2. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị đăng ký danh mục hàng hóa tân trang chỉ thuộc Phụ lục IV Nghị định này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, Bộ Công Thương thẩm định hồ sơ và cấp Mã số tân trang cho doanh nghiệp đề nghị. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị đăng ký danh mục hàng hóa tân trang thuộc Phụ lục I, II, III, V, VI, VII Nghị định này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Công Thương gửi hồ sơ tới bộ quản lý chuyên ngành để xin ý kiến thẩm định.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến thẩm định của Bộ Công Thương, bộ quản lý chuyên ngành thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời Bộ Công Thương về việc đồng ý hay không đồng ý cấp Mã số tân trang. Trường hợp không đồng ý cấp Mã số tân trang, bộ quản lý chuyên ngành nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Công Thương cấp Mã số tân trang hoặc có văn bản từ chối cấp Mã số, nêu rõ lý do.

4. Trường hợp Bộ Công Thương hoặc bộ quản lý chuyên ngành yêu cầu doanh nghiệp đề nghị bổ sung thông tin thì khoảng thời gian kể từ khi gửi yêu cầu bổ sung thông tin cho tới khi nhận được thông tin bổ sung hợp lệ không tính vào thời hạn thẩm định hồ sơ.

Điều 14. Kiểm tra thực tế cơ sở tân trang

1. Bộ Công Thương và bộ quản lý chuyên ngành có quyền yêu cầu kiểm tra thực tế cơ sở tân trang trước khi cấp Mã số tân trang trong trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của hồ sơ cấp Mã số tân trang hoặc sau khi cấp Mã số tân trang trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc phát hiện doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật.

2. Bộ yêu cầu kiểm tra thực tế cơ sở tân trang là bộ chủ trì kiểm tra.

3. Yêu cầu kiểm tra thực tế cơ sở tân trang được bộ chủ trì kiểm tra thông báo bằng văn bản (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng) cho doanh nghiệp đề nghị cấp Mã số tân trang hoặc cho doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang trong trường hợp kiểm tra thực tế cơ sở tân trang sau khi cấp Mã số tân trang. Thông báo này được sao gửi Bộ Công Thương trong trường hợp bộ chủ trì kiểm tra là bộ quản lý chuyên ngành.

4. Bộ chủ trì kiểm tra và doanh nghiệp đề nghị cấp Mã số tân trang hoặc doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang thống nhất thời gian bắt đầu kiểm tra.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, bộ chủ trì kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra tới doanh nghiệp đề nghị cấp Mã số tân trang hoặc doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang bằng văn bản (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng). Thông báo này được sao gửi Bộ Công Thương trong trường hợp bộ chủ trì kiểm tra là bộ quản lý chuyên ngành.

6. Trường hợp việc kiểm tra thực tế diễn ra trước khi cấp Mã số tân trang hoặc trước khi chấp thuận đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang hoặc trước khi chấp thuận đề nghị gia hạn có sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang thì khoảng thời gian kể từ khi thông báo yêu cầu kiểm tra cho tới khi thông báo kết quả kiểm tra không tính vào thời hạn thẩm định hồ sơ.

Điều 15. Gia hạn hiệu lực Mã số tân trang

1. Doanh nghiệp có nhu cầu gia hạn hiệu lực Mã số tân trang gửi Đơn đề nghị gia hạn Mã số tân trang theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc Phụ lục X Nghị định

này tới Bộ Công Thương ít nhất 90 ngày trước ngày Mã số tân trang hết hiệu lực.

2. Thời hạn xử lý Đơn đề nghị gia hạn Mã số tân trang là không quá 07 ngày làm việc trong trường hợp không sửa đổi, bổ sung thông tin so với Mã số tân trang đã được cấp.

3. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung thông tin so với Mã số tân trang đã được cấp, doanh nghiệp có nhu cầu gia hạn Mã số tân trang gửi bổ sung các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định này. Quy trình xử lý Đơn đề nghị gia hạn Mã số tân trang trong trường hợp này thực hiện như đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 16 Nghị định này.

4. Mã số tân trang có thời hạn hiệu lực tối đa là 5 năm kể từ ngày Bộ Công Thương chấp thuận đề nghị gia hạn hiệu lực của Mã số tân trang.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang

1. Trường hợp đã được cấp Mã số tân trang nhưng có sự thay đổi thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp Mã số tân trang, doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin qua đường bưu điện (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng) tới Bộ Công Thương. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính).

b) Tài liệu thuyết minh đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin (01 bản chính bằng tiếng Anh và 01 bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được ký bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp).

c) Bản sao các tài liệu hỗ trợ cho tài liệu thuyết minh, nếu có (mỗi tài liệu 01 bản sao kèm theo bản dịch tiếng Việt, cả 2 bản được xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp).

2. Trường hợp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin chỉ liên quan tới Phụ lục IV Nghị định này, việc sửa đổi, bổ sung thông tin không gây ảnh hưởng tới năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ hàng hóa và quyền sử dụng nhãn hiệu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, Bộ Công Thương ra thông báo bằng văn bản chấp thuận đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin có liên quan tới Phụ lục I, II, III, V, VI, VII Nghị định này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, Bộ Công Thương gửi hồ sơ để lấy ý kiến bộ quản lý chuyên ngành.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Bộ Công Thương, bộ quản lý chuyên ngành có văn bản trả lời Bộ Công Thương. Nếu bộ quản lý chuyên ngành kết luận việc sửa đổi, bổ sung thông tin không gây ảnh hưởng tới năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ hàng hóa và quyền sử dụng nhãn hiệu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Công Thương ra thông báo bằng văn bản chấp thuận đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin.

4. Trường hợp, việc sửa đổi, bổ sung thông tin có khả năng gây ảnh hưởng tới năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng, xuất xứ hàng hóa và quyền sử dụng nhãn hiệu của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định hoặc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng) cho doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang về việc thẩm định lại năng lực.

5. Việc thẩm định lại năng lực của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang được thực hiện theo quy trình thẩm định như khi cấp Mã số tân trang.

6. Trong quá trình thẩm định lại năng lực của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang, Bộ Công Thương có quyền đình chỉ tạm thời hiệu lực của Mã số tân trang theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

Điều 17. Đình chỉ, thu hồi Mã số tân trang

1. Bộ Công Thương thu hồi Mã số tân trang trong những trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp đề nghị cấp Mã số tân trang cung cấp thông tin không đúng trong hồ sơ đề nghị cấp Mã số tân trang, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quá trình thẩm định và cấp Mã số tân trang.

b) Doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang không thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin theo quy định trong vòng 30 ngày kể từ ngày Mã số tân trang bị đình chỉ hiệu lực theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

c) Doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang không duy trì được năng lực tân trang, chế độ bảo hành, bảo dưỡng hoặc quyền sử dụng nhãn hiệu như đã trình bày tại hồ sơ đề nghị cấp Mã số tân trang.

d) Hàng hóa tân trang do doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam vi phạm từ lần thứ hai các quy định pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác đang được áp dụng đối với hàng nhập khẩu mới cùng loại.

đ) Doanh nghiệp đề nghị cấp Mã số tân trang hoặc doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang không hợp tác trong quá trình kiểm tra thực tế cơ sở tân trang hoặc thẩm định lại năng lực của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang.

e) Doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang hoặc cơ sở bảo hành, bảo dưỡng từ chối việc bảo hành, bảo dưỡng hàng hóa tân trang.

g) Theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang.

h) Doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương.

2. Trường hợp doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang bị thu hồi Mã số tân trang theo quy định tại điểm a, b, d, đ, h khoản 1 Điều này, Bộ Công Thương không xem xét cấp lại Mã số tân trang cho doanh nghiệp đó.

3. Bộ Công Thương xem xét đình chỉ tạm thời hiệu lực của Mã số tân trang trong những trường hợp sau:

a) Để phòng ngừa rủi ro không thể khắc phục có thể phát sinh trong quá trình thẩm định lại năng lực của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang hoặc trong quá trình kiểm tra thực tế cơ sở tân trang sau khi đã cấp Mã số tân trang.

b) Hàng hóa tân trang vi phạm lần đầu các quy định pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác đang áp dụng đối với hàng nhập khẩu mới cùng loại.

c) Doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang không thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin theo quy định.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA hết hiệu lực khi Mã số tân trang bị đình chỉ hoặc thu hồi.

5. Trường hợp hàng hóa đã được xếp lên phương tiện vận tải trước ngày Mã số tân trang bị đình chỉ hoặc thu hồi theo quy định tại điểm b, c, d, g khoản 1 và khoản 3 Điều 17 Nghị định này:

a) Thương nhân nhập khẩu gửi văn bản đề nghị cơ quan cấp phép quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này xem xét, quyết định việc nhập khẩu lô hàng, nêu rõ: lý do xin nhập khẩu hàng hóa khi Mã số tân trang bị đình chỉ hoặc thu hồi (gửi kèm các chứng từ chứng minh hàng hóa đã được xếp lên phương tiện vận tải trước ngày Mã số tân trang bị đình chỉ hoặc thu hồi; Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA đã được cấp trước đó cho lô hàng).

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của thương nhân nhập khẩu, cơ quan cấp phép xem xét trả lời thương nhân bằng văn

bản. Trường hợp không cho phép nhập khẩu, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

6. Bộ Công Thương thực hiện thông báo cho cơ quan cấp phép và cơ quan hải quan ngay khi có quyết định cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi Mã số tân trang để đảm bảo công tác quản lý liên quan.

7. Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo kịp thời đến Bộ Công Thương về trường hợp phát sinh các hành vi vi phạm quy định về điều kiện đối với hàng hóa tân trang nhập khẩu và quy định khác tại Nghị định này để phối hợp xử lý, xem xét đình chỉ, thu hồi Mã số tân trang.

Chương IV
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀ HÀNG HÓA TÂN TRANG THEO HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA VÀ THỦ TỤC NHẬP KHẨU

Điều 18. Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

1. Bộ quản lý chuyên ngành theo phân công tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII Nghị định này (sau đây gọi là cơ quan cấp phép) chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA gồm 02 loại:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA theo lô hàng.

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA có thời hạn.

3. Hàng hóa tân trang cùng tên gọi, cùng mô tả, cùng kiểu loại, cùng nhãn hàng, cùng mã hàng và thuộc cùng doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang, sau 03 lần được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA theo lô hàng (cho cùng một thương nhân nhập khẩu hoặc cho các thương nhân nhập khẩu khác nhau), sẽ được chuyển sang chế độ Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA có thời hạn.

4. Cơ quan cấp phép quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA có thời hạn nhưng không ít hơn 12 tháng.

5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA có thời hạn không hạn chế số lượng hàng hóa tân trang nhập khẩu theo Giấy chứng nhận trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận.

6. Với trường hợp hết thời hạn đình chỉ Mã số tân trang hoặc doanh nghiệp được cấp lại Mã số tân trang sau khi bị thu hồi, chỉ chuyển sang chế độ Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA có thời hạn sau ít nhất 10 lần cấp giấy chứng nhận theo lô hàng (cho cùng một thương nhân nhập khẩu hay cho các thương nhân nhập khẩu khác nhau với cùng một loại hàng hóa tân trang (cùng tên gọi, cùng mô tả, cùng kiểu loại, cùng nhãn hàng, cùng mã hàng) và thuộc cùng một doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang).

Điều 19. Hồ sơ, quy trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

1. Tùy theo phân công quản lý tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII Nghị định này, thương nhân nhập khẩu gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA qua đường bưu điện (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng) tới cơ quan cấp phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính).

b) Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (01 bản sao có xác thực của thương nhân).

c) Văn bản của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang xác nhận hàng hóa tân trang nhập khẩu theo Đơn đề nghị của thương nhân là hàng hóa đã được doanh nghiệp này đăng ký khi đề nghị cấp Mã số tân trang (01 bản chính kèm theo bản dịch tiếng Việt nếu ngôn ngữ sử dụng tại bản chính không phải là tiếng Việt, được ký xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang).

d) Báo cáo tình hình nhập khẩu hàng hóa tân trang theo giấy chứng nhận đã được cấp trước đó theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính).

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo bằng văn bản cho thương nhân để bổ sung, hoàn thiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA cho thương nhân. Trường hợp không cấp, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 20. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa tân trang

Ngoài thủ tục hải quan theo quy định, thương nhân nhập khẩu hàng hóa tân trang phải nộp hoặc xuất trình hoặc truyền dữ liệu điện tử cho cơ quan Hải quan các văn bản sau:

1. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA (nộp hoặc xuất trình hoặc truyền dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật hải quan).

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA hoặc văn bản cho phép nhập khẩu hàng hóa tân trang khi Mã số tân trang bị đình chỉ hoặc thu hồi (xuất trình bản chính).

3. Các loại chứng từ, tài liệu cần thiết khác mà pháp luật ngoại thương, pháp luật chuyên ngành quy định áp dụng cho hàng hóa mới cùng loại khi thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu (nộp hoặc xuất trình hoặc truyền dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật).

Điều 21. Trách nhiệm của thương nhân nhập khẩu hàng hóa tân trang

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam như đang được áp dụng đối với hàng nhập khẩu mới cùng loại, trong đó, tùy theo trường hợp cụ thể, có các quy định về chính sách nhập khẩu, chính sách mặt hàng, chính sách thuế, hải quan, nhãn hàng hóa; điều kiện kinh doanh; chất lượng sản phẩm; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hiệu suất năng lượng; an toàn bức xạ; an toàn thông tin mạng; đo lường; bảo vệ môi trường; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quy định khác.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ và tài liệu xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức làm việc và cung cấp các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan cấp phép và các cơ quan liên quan khi cơ quan tiến hành kiểm tra việc thực thi quy định tại Nghị định này.

4. Trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, báo cáo cơ quan cấp phép và Bộ Công Thương bằng văn bản theo phương thức gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính về tình hình nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA của năm trước đó theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm cấp Mã số tân trang; cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA theo phân công; hướng dẫn; kiểm tra việc thực hiện hoạt động nhập khẩu hàng hóa tân trang thuộc thẩm quyền quản lý; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang để phục vụ mục tiêu quản lý.

2. Các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA theo phân công; hướng dẫn; kiểm tra việc thực hiện hoạt động nhập khẩu hàng hóa tân trang thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc kiểm tra xuất xứ đối với hàng hóa tân trang nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;

TM. CHÍNH PHỦ
KT.THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các doàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).TLK

SAO Y; Bộ thông tin và Truyền thông; 31/10/2023 15:23:33

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5333 /BTTTT - CNICT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023*
V/v góp ý về dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2)	

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Phúc đáp Công văn số 6493/BCT-XNK ngày 21/09/2023 của quý Bộ về việc góp ý về dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2) (dự thảo Nghị định), Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Tổng quan chung

Về quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định, theo Bộ Thông tin và Truyền thông, quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang cần dựa trên nguyên tắc: (i) Chất lượng của hàng hóa tân trang tương đương với hàng mới, có chế độ bảo hành cùng chủng loại; Được kiểm soát chất lượng như sản phẩm mới, có văn bản xác nhận của chính hãng đối với sản phẩm tân trang; Chỉ cho phép nhập khẩu đối với một số nhà nhập khẩu chính ngạch, chính hãng chỉ định, hãng phân phối trực tiếp cho thị trường Việt Nam.

2. Góp ý chi tiết

a) Sở cứ pháp lý dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa do có quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Hàng hóa tân trang nhập khẩu:

Đối với sản phẩm hàng hóa tân trang thuộc Danh mục sản phẩm hàng hoá nhóm 2, theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hoá: hàng hoá không phải là hàng mới 100%, đã qua quá trình tân trang khiến chất lượng sản phẩm có thể không đồng đều như hàng mới được sản xuất hàng loạt và cần có biện pháp quản lý chặt chẽ đảm bảo chất lượng, đảm bảo quyền lợi của người sử dụng.

Do vậy đề nghị dự thảo Nghị định cần quy định việc kiểm tra chất lượng theo phương thức kiểm tra chặt từng lô hàng hoá, áp dụng phương thức đánh giá sự phù hợp theo phương thức 7 được quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KHCN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

c) Danh mục hàng hóa tân trang:

- Đề nghị dự thảo Nghị định xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo loại trừ những hàng hóa liệt kê tại Phụ lục 2-A-5 của Hiệp định. Lý do cả hai Hiệp định

EVFTA và UKVFTA cam kết theo hình thức Chọn-Cho (Positive). Theo đó, hàng hóa không nằm trong danh mục trong khái niệm nêu trên, bao gồm danh mục các hàng hóa tại Phụ lục 2-A-5. Việt Nam có toàn quyền đưa ra hoặc duy trì bất cứ biện pháp nào để quản lý.

- Đề nghị quý Bộ phối hợp cùng Tổng cục Hải quan để rà soát danh mục, chuẩn hóa Danh mục hàng hóa cam kết với Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam để đồng bộ và áp dụng phù hợp.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã cập nhật căn cứ pháp lý và áp dụng đối Danh mục hàng hóa tân trang thuộc diện quản lý chuyên ngành (chi tiết theo mã HS) tại Phụ lục kèm theo Công văn.

d) Tổ chức thực hiện: Tại điều 22, đề nghị dự thảo Nghị định bổ sung nội dung "Trường hợp hàng hóa thuộc phạm vi quản lý các Bộ chuyên ngành có tính chất đặc thù, các Bộ chuyên ngành bổ sung điều kiện cần thiết để đảm bảo công tác quản lý chặt chẽ đối với hàng hóa tân trang nhập khẩu".

Trên đây là một số góp ý của Bộ Thông tin và Truyền thông cho dự thảo Nghị định để gửi quý Bộ tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Phan Tâm;
- TTr Nguyễn Huy Dũng;
- Vụ HTQT (để p/h);
- Lưu: VT, CNICT (2).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phan Tâm

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA TÂN TRANG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo công văn số 5333/BTTTT - CNICT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mã hàng	Mô tả	Đề xuất cơ quan quản lý	Căn cứ đề xuất cơ quan quản lý chuyên ngành (cung cấp văn bản QPPL)	Lưu ý (áp dụng đối với trường hợp diện mặt hàng do các Bộ quản lý chỉ thuộc một phần của nhóm/phân nhóm)
84.40	**Máy đóng sách, kể cả máy khâu sách**			Chỉ áp dụng quản lý mã 8 số được liệt kê dưới đây
8440.10.10	--Hoạt động bằng điện	BTTTT	Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP quy định về hoạt động in	
84.41	**Các máy khác dùng để sản xuất bột giấy, giấy hoặc bìa, kể cả máy cắt xén các loại**			Chỉ áp dụng quản lý mã 8 số được liệt kê dưới đây
8441.10.10	-- Hoạt động bằng điện	BTTTT	Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP quy định về hoạt động in	
8441.20.00	- Máy làm túi, bao hoặc phong bì			
8441.30.00	- Máy làm thùng bìa, hộp, hòm, thùng hình ống, hình trống hoặc đồ			

	chứa tương tự, trừ loại máy sử dụng phương pháp đúc khuôn			
84.42	**Máy, thiết bị và dụng cụ (trừ loại máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65) dùng để đúc chữ hoặc chế bản, làm khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in ấn khác; khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác; khuôn in, ống in và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, nổi vân hạt hoặc đánh bóng)**			Chỉ áp dụng quản lý mã 8 số được liệt kê dưới đây
8442.30.00	- Máy, thiết bị và dụng cụ	BTTTT	Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP quy định về hoạt động in	
8469	**Máy chữ trừ các loại máy in thuộc nhóm 84.43; máy xử lý văn bản.**	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
84.70	**Máy tính và các máy ghi, tái tạo và hiển thị dữ liệu loại bỏ túi có chức năng tính toán; máy kế toán, máy đóng dấu bưu phí, máy bán vé và các loại máy tương tự, có gắn bộ phận tính toán; máy tính tiền**	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
84.71	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hoặc đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	

	liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác			
8471.50	- Bộ xử lý trừ loại của phân nhóm 8471.41 hoặc 8471.49, có hoặc không chứa trong cùng vỏ của một hoặc hai thiết bị sau: bộ lưu trữ, bộ nhập, bộ xuất:	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8471.60	- Bộ nhập hoặc bộ xuất, có hoặc không chứa bộ lưu trữ trong cùng một vỏ:	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8471.70	- Bộ lưu trữ:	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8471.80	- Các bộ khác của máy xử lý dữ liệu tự động:	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8471.90	- Loại khác:	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
84.73	**Bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.69 đến 84.72.**	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
85.17	**Bộ điện thoại, kể cả điện thoại thông minh và điện thoại khác cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28**	BTTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT; Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	Chỉ áp dụng quản lý mã 8 số được liệt kê dưới đây

8517.13.00	- - Điện thoại thông minh	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	
8517.14.00	- - Điện thoại khác cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	
8517.61.00	- - Thiết bị trạm gốc	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT; Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	
8517.62	- - Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
	- - - Bộ phận của máy xử lý dữ liệu tự động, trừ Loại của nhóm 84.71:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8517.62.21	---- Bộ điều khiển và bộ thích ứng (adaptor), kể cả cổng nối, cầu nối và bộ định tuyến	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8517.62.30	- - - Thiết bị chuyển mạch điện báo hay điện thoại	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
	- - - Thiết bị dùng cho hệ thống hữu tuyến sóng mang hoặc hệ thống hữu tuyến kỹ thuật số:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8517.62.41	- - - - Bộ điều biến/giải biến (modem) kể cả loại sử dụng cáp nối và dạng thẻ cắm	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8517.62.42	- - - - Bộ tập trung hoặc bộ dồn kênh	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8517.62.43	- - - - Bộ điều khiển và bộ thích ứng (adaptor), kể cả cổng nối, cầu nối, bộ định tuyến và các thiết bị tương tự khác được thiết kế chỉ để kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	

	- - - Thiết bị truyền dẫn khác kết hợp với thiết bị thu:			
8517.62.51	- - - - Thiết bị mạng nội bộ không dây	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8517.62.53	- - - - Thiết bị phát dùng cho điện báo hay điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng khác	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8517.62.59	- - - - Loại khác	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	
8517.62.61	- - - - Dùng cho điện báo hay điện thoại	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8517.62.69	- - - - Loại khác	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	
8517.62.99	- - - - Loại khác	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	
8517.69.99	- - - - Loại khác	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	
85.18	**Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện**	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	Chỉ áp dụng quản lý mã 8 số được liệt kê dưới đây
8518.10	- Micro và giá đỡ micro:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8518.29	- - Loại khác:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
85.19	**Thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh**	Bộ TTTT	Thông tư 09/2013/TT-BTTTT	Chỉ áp dụng quản lý mã 8 số được liệt kê dưới đây
8518.10	- Micro và giá đỡ micro:	Bộ TTTT	Thông tư 09/2013/TT-BTTTT	
8518.29	- - Loại khác:	Bộ TTTT	Thông tư 09/2013/TT-BTTTT	
8523.52.00		Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	- Thiết bị thu-phát vô tuyến, lưu trữ thông tin dưới dạng thẻ mang chip điện tử (RF tag), được gắn trên đối tượng cần

				nhận dạng; chỉ áp dụng đối với loại thẻ có nguồn điện. Không bao gồm thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID) tại mục 4.2 của Danh mục tại Phụ lục II của Thông tư này.
8523.59.10		Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	Thiết bị thu-phát vô tuyến, lưu trữ thông tin dưới dạng thẻ mang chip điện tử (RF tag), được gắn trên đối tượng cần nhận dạng; chỉ áp dụng đối với loại thẻ có nguồn điện. Không bao gồm thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID) tại mục 4.2 của Danh mục tại Phụ lục II của Thông tư này.
85.24	**Mô-đun màn hình dẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng**	Bộ TTTT	Thông tư 09/2013/TT-BTTTT	
85.26	**Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến**	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT; Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	
8528	**Màn hình và máy chiếu, không gắn với máy thu dùng trong truyền hình; máy thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc máy ghi hoặc tái tạo âm thanh**	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	Chỉ áp dụng quản lý mã 8 số được liệt kê dưới đây
8528.42.00	- - Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8528.49	- - Loại khác:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8528.51	- - Loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu thuộc nhóm 84.71:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	

8528.52.00	- - Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8528.59	- - Loại khác:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8528.62	- - Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8528.69	- - Loại khác:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8528.71	- - Không thiết kế để gắn với thiết bị hiển thị video hoặc màn ảnh:	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
8531.10.30	- - Báo khói; chuông báo động cá nhân bỏ túi (còi rú)	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	Thiết bị đầu báo khói trong hệ thống báo khói, có chức năng phân tích khói trong không khí và truyền tải tín hiệu cảnh báo khói về trung tâm điều khiển hoặc thiết bị cảnh báo khói qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.
8531.90.90	- - Loại khác	Bộ TTTT	Thông tư 04/2023/TT-BTTTT	Thiết bị đầu báo khói trong hệ thống báo khói, có chức năng phân tích khói trong không khí và truyền tải tín hiệu cảnh báo khói về trung tâm điều khiển hoặc thiết bị cảnh báo khói qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.
85.34	**Mạch in**	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	
85.42	**Mạch điện tử tích hợp**	Bộ TTTT	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT	

Lưu ý: Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông loại trừ những hàng hóa liệt kê tại Phụ lục 2-A-5 theo quy định của Hiệp định.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:13387/BGTVT-KHCN&MT	*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2023*
V/v góp ý dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2)	

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU
ĐẾN Số: 511
Ngày: 27/11/23
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Bộ Công Thương

Phúc đáp văn bản số 6493/BCT-XNK ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Cục Xuất nhập khẩu Bộ Công Thương xin ý kiến về dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang (Nghị định) theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2), Bộ Giao thông vận tải xin trao đổi với Quý Bộ một số nội dung sau:

1. Liên quan đến hồ sơ và dự thảo Nghị định, ngày 08/9/2023 Bộ Gia thông vận tải (GTVT) đã có văn bản số 10054/BGTVT-HTQT góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, qua rà soát nhận thấy phần lớn nội dung góp ý của Bộ GTVT gửi Bộ Công Thương vẫn chưa được tiếp thu, giải trình đầy đủ (góp ý Điều 14, Điều 20, Điều 21) tại hồ sơ dự thảo lấy ý kiến lần 2. Vì vậy, Bộ GTVT đề nghị quý Bộ xem xét, tiếp thu hoặc giải trình rõ những góp ý nêu trên của Bộ GTVT và đưa vào tờ trình trình Chính phủ.

2. Đối với dự thảo Nghị định

- Tại Điều 14. Kiểm tra thực tế cơ sở tân trang: ở khoản 1 có nêu hai cơ quan là Bộ Công Thương và bộ quản lý chuyên ngành có quyền yêu cầu kiểm tra thực tế cơ sở tân trang trước khi cấp Mã số tân trang trong trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của hồ sơ; nhưng khoản 2 chỉ có Bộ Công Thương thông báo cho doanh nghiệp; vì vậy đề nghị làm rõ quy trình, thủ tục thông báo cho doanh nghiệp khi bộ chuyên ngành yêu cầu kiểm tra.

- Tại khoản 4 Điều 16: Đề nghị xem xét bỏ cụm từ "nhận thấy" và sửa đổi như sau: "Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung thông tin có khả năng gây ảnh hưởng tới năng lực tân trang, chế độ bảo hành và quyền sử dụng nhãn hiệu của doanh nghiệp đã được cấp mã số tân trang, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định..., Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản (hoặc trực tuyến, nếu có áp dụng) cho doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang về việc thẩm định lại năng lực"

- Tại khoản 6 Điều 16: Đề nghị thay thế sửa đổi cụm từ "khoản 3 Điều 16" thành "khoản 3 Điều 17" cho phù hợp với nội dung về đình chỉ tạm thời hiệu lực của Mã số tân trang.

- Tại điểm d, khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 17: Đề nghị xem xét bỏ quy định việc thu hồi và đình chỉ tạm thời hiệu lực của Mã số tân trang trong trường hợp này vì điểm c khoản 1 Điều 5 đã lược bỏ tại dự thảo Nghị định.

3. Ý kiến khác

- Đối với Phụ lục III.Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ GTVT, đề nghị quý Bộ chuẩn hóa danh mục theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Tại Danh mục hàng hóa tân trang của Bộ Giao thông vận tải (Phụ lục III): Đề nghị xem xét không đưa vào danh mục hàng hóa tân trang sử dụng cho lĩnh vực tàu biển bao gồm: Động cơ đốt trong, Máy nén sử dụng trong thiết bị làm lạnh, Thiết bị cơ khí để phun bắn, phun rải chất lỏng hoặc chất bột, Bình dập lửa, Súng phun và các thiết bị tương tự, Cổng trục tàu thủy, Cần trục kế cả cần trục cáp…Để giảm nguy cơ gây mất an toàn, tàu biển nên sử dụng các loại hàng hóa mới (không tân trang) đảm bảo chất lượng và có đầy đủ chứng nhận được cơ quan đăng kiểm quốc tế, cơ quan đăng kiểm trong nước công nhận.

- Hiện trạng rất nhiều các hàng hóa như phương tiện sử dụng tại cảng hàng không, sân bay, trang thiết bị, trong lĩnh vực hàng không dân dụng phổ biến sử dụng vật tư đã qua sử dụng được bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất để duy trì các tính năng và tiêu chuẩn của nhà sản xuất để đảm bảo an toàn khai thác. Các hàng hóa này đang phải duy trì rất nhiều loại giấy phép kiểm tra chuyên ngành theo hệ thống quy định về quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện và theo Công ước Chicago 1944 về hàng không dân dụng quốc tế. Việc áp dụng thêm các thủ tục hành chính "cấp mã số tân trang" và "Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang" cần đánh giá ý nghĩa của công tác quản lý nhà nước, tránh trùng lặp với các TTHC đã có, phát sinh gánh nặng cho doanh nghiệp thực hiện, do vậy việc Nghị định thực hiện theo quy trình rút gọn, không có đánh giá tác động cần phải báo cáo Chính phủ xem xét sự ảnh hưởng đối với các đối tượng áp dụng.

Trên đây là ý kiến của Bộ Giao thông vận tải để Quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục XNK-BCT;
- Vụ HTQT;
- Các Cục: HKVN, HHVN, CTVN;
- Lưu: VT, KHCN&MT(NQ. Huy).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 4358/LĐTBXH-PC	*Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2023*
V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2)	

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU
ĐẾN Số: .....
Ngày: 17/10
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Bộ Công Thương

Ngày 21/9/2023, Bộ Công Thương có Công văn số 6493/BCT-XNK về việc xin ý kiến dự thảo hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA) (lần 2). Sau khi nghiên cứu và rà soát, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị bổ sung mục bộ phận, linh kiện thiết bị an toàn có mã HS 84 của các thiết bị theo danh mục ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BLĐTBXH[1] vào Phụ lục VI của dự thảo Nghị định.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Văn Thanh

[1] Thông tư 01/2021/TT-BLĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 18/10/2023 17:19:17 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 11418/BTC-TCHQ	*Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023*
V/v tham gia ý kiến lần 2 đối với dự thảo Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA	

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Trả lời công văn số 6493/BCT-XNK ngày 21/9/2023 của Bộ Công Thương về việc tham gia ý kiến lần 2 đối với dự thảo Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (Hiệp định UKVFTA) (gọi tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo cam kết tại Hiệp EVFTA và UKVFTA, hàng hóa tân trang là hàng hóa được phân loại tại Chương HS 84, 85, 87, 90 hoặc 9402, ngoại trừ hàng hóa được liệt kê tại Phụ lục 2-A-5 của Hiệp định. Trong đó, hàng hóa tại các Chương này đã được quy định cụ thể tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC.

Do vậy, về việc chuẩn hóa mã số HS hàng hóa tân trang theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, đề nghị Bộ Công Thương và các Bộ quản lý chuyên ngành căn cứ tên hàng, mã số HS hàng hóa thuộc các Chương HS 84, 85, 87, 90 hoặc 9402 tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính để xây dựng các Danh mục hàng hóa tân trang ban hành kèm theo dự thảo Nghị định và thống nhất, phân công phạm vi trách nhiệm quản lý của mỗi Bộ ngành.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tài chính gửi Bộ Công Thương tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Lưu: VT, TCHQ (6 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Tax 03

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3675 /BQP-KHĐT V/v tham gia ý kiến (lần 2) về dự thảo hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo cam kết tại Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA	*Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2023*

BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐẾN Số: 7060
Ngày: 03/10/23
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Phúc đáp Văn bản số 6493/BCT-XNK ngày 21/9/2023 của Bộ Công Thương xin ý kiến (lần 2) về dự thảo hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo cam kết tại Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA), Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

Bộ Quốc phòng đã có Văn bản số 2471/BQP-KHĐT ngày 14/7/2023 tham gia ý kiến với Bộ Công Thương về dự thảo hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo cam kết tại Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA *(trong đó quy định dự thảo Nghị định này không áp dụng đối với việc nhập khẩu hàng hóa tân trang phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)* gửi kèm theo dự thảo Tờ trình Chính phủ của Bộ Công Thương; theo đó, Bộ Quốc phòng thống nhất với dự thảo hồ sơ do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo.

Bộ Quốc phòng trao đổi để Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận
- Như trên;
- Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP;
- Lưu: VT, THBĐ. NVA04.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Vũ Hải Sản

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3535/BCA-ANKT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023*
V/v TGYK hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo EVFTA và UKVFTA (lần 2)	

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU
ĐẾN Số: .....
Ngày: 02/10
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 6911
Ngày: 2/10/23
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Trả lời Công văn số 6493/BCT-XNK ngày 21/9/2023 của Bộ Công Thương gửi Bộ Công an đề nghị tham gia ý kiến đối với Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (Hiệp định UKVFTA) lần 2, Bộ Công an có ý kiến như sau:

Ngày 25/7/2023, Bộ Công an có Công văn số 2470/BCA-ANKT gửi Bộ Công Thương tham gia ý kiến đối với dự thảo hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (Hiệp định UKVFTA). Đối với dự thảo lần 2, Bộ Công an chưa phát hiện vấn đề phức tạp liên quan an ninh đối với dự thảo Hồ sơ lần 2.

Bộ Công an trao đổi để Quí Bộ tập hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng Tô Lâm (để b/c);
- Văn phòng (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(ANCT), T(05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Lương Tam Quang

BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4626 /BTP-PLQT	*Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2023*

V/v tham gia ý kiến về dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2)

BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐẾN Số: 6980
Ngày: 3/10/23
Chuyển: XNK
Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Bộ Công Thương

Trả lời Công văn số 6493/BCT-XNK của Bộ Công Thương đề nghị cho ý kiến (lần 2) về Hồ sơ xây dựng Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hoá tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên hiệp Anh và Bắc Ailen (UKVFTA) (sau đây gọi là dự thảo Nghị định), trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 27/7/2023, Bộ Tư pháp có Công văn số 3257/BTP-PLQT góp ý Hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định. Về nội dung dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ tiếp tục phối hợp với các Cơ quan quản lý nhà nước đối với hàng hóa tân trang được liệt kê tại Danh mục hàng hóa tân trang tại Điều 4 dự thảo Nghị định để hoàn thiện các Phụ lục kèm theo Nghị định, đảm bảo phù hợp quy định của Hiệp định EVFTA, UKVFTA.

Về trình tự, thủ tục, do dự thảo Nghị định được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn trên cơ sở chấp thuận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 2307/VPCP-KTTH ngày 06/4/2023, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ tiếp tục rà soát Hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định để đảm bảo đáp ứng yêu cầu tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về Hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hoá tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len, xin gửi Quý Bộ để tham khảo, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- T.T. Nguyễn Khánh Ngọc (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLQT (PL).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

Bạch Quốc An

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số 8623 /BTNMT-PC	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
V/v góp ý dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2)	*Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2023*

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU
ĐẾN Số: .....
Ngày: 10/10.....
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Bộ Công Thương

Phúc đáp Công văn số 6493/BCT-XNK ngày 21/09/2023 của Bộ Công Thương về việc xin ý kiến dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2), Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bổ sung tiêu chí để đánh giá, xác định hàng hóa tân trang trước khi nhập khẩu; hàng hóa tân trang nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa cùng loại theo quy định của nước sản xuất hàng hóa nguyên bản.

2. Trường hợp hàng hóa nguyên bản sản xuất ở một nước, tân trang tại một nước khác thì cần quy định rõ chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa nguyên bản hay hàng hóa sau khi tân trang.

3. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể: Không cho phép doanh nghiệp sản xuất nước ngoài nhập khẩu hàng hóa đã qua sử dụng để tân trang tại Việt Nam.

4. Đề nghị bổ sung quy định: Trường hợp nhập hàng hóa tân trang về để tái chế làm nguyên liệu sản xuất phải thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định 13/2023/QĐ-TTg ngày 22/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng gửi quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC, Nt. 3.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4280 /BVHTTDL-KHTC V/v góp ý kiến dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2)	*Hà Nội, ngày11 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Công Thương

Phúc đáp Công văn số 6493/BCT-XNK ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc xin ý kiến dự thảo Hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA lần 2 (Nghị định), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến góp ý như sau:

- Về khái niệm hàng hóa tân trang (khoản 1 Điều 3): Tại Bản tổng hợp, giải trình ý kiến về dự thảo Nghị định, Bộ Công Thương cho rằng dự thảo đã thể hiện trên nguyên tắc rõ hơn, chính xác hơn và không trái tinh thần của Hiệp định mà không chép lại nguyên văn bản dịch. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định mới chỉ thể hiện ở góc độ cấu tạo, chức năng hoạt động, thời hạn sử dụng, thời hạn bảo hành mà chưa thể hiện được cụ thể tác động tương tự của sản phẩm, hàng hóa tân trang đối với người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích. Do vậy đề nghị cân nhắc giải trình rõ hơn về khái niệm hàng hóa tân trang để đảm bảo tính thuyết phục hơn,.

- Về yêu cầu đối với tài liệu thuyết minh năng lực tân trang (Điều 9): Đề nghị cân nhắc quy định rõ hơn về "hình ảnh màu của hàng hóa tân trang" là chụp ảnh có màu về hàng hóa, chi tiết, linh kiện, phụ tùng thay thế dưới các góc chụp nhằm minh họa chi tiết cho năng lực tân trang, tránh hiểu nhầm yêu cầu chụp ảnh về màu sắc của hàng hóa.

- Về yêu cầu đối với Bản cam kết dành chế độ bảo hành, bảo dưỡng cho hàng hóa tân trang (Điều 11): Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về thời hạn chấp nhận nghĩa vụ bảo hành của các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng tân trang để bảo đảm hàng hóa tân trang được bảo hành theo đúng quy định.

- Đề nghị làm rõ về "cơ sở tân trang" (Điều 14): Bộ Công Thương kiểm tra cơ sở tân trang (khi cần thiết) là kiểm tra tại Việt Nam hay tại nước ngoài? Vì từ Điều 1 và Điều 3 cho thấy hàng hóa tân trang được nhập khẩu và doanh nghiệp tân trang là ở nước ngoài, tuy nhiên "cơ sở tân trang" thì không nói rõ?

- Về chính sách quản lý, kiểm tra chuyên ngành hàng hóa văn hóa: Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và các văn bản pháp luật chuyên ngành văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao quản lý, phê duyệt nội dung các sản phẩm văn hóa nhập khẩu.

Do vậy, việc quản lý các mặt hàng tân trang quy định tại dự thảo Nghị định không thuộc phạm vi quản lý hàng hóa nhập khẩu chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tuy nhiên, đối với hàng hóa tân trang nhập khẩu nếu có cài đặt, chứa/ghi nội dung thuộc chuyên ngành văn hóa (nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật nhiếp ảnh, vui chơi giải trí… và các nội dung văn hóa khác), ví dụ như hàng hóa có mã HS 8523, thì hình thức quản lý và việc thẩm định, phê duyệt nội dung để cho phép sản phẩm văn hóa đó được phổ biến, lưu hành tại Việt Nam, đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và pháp luật chuyên ngành văn hóa có liên quan.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Công Thương nghiên cứu, tổng hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Trịnh Thị Thủy

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (*để báo cáo*);
- Lưu: VT, KHTC, HN.5.

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN

Số: 1182/ĐB-WTO

V/v xin ý kiến về hồ sơ dự thảo Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU
ĐẾN Số: 3744
Ngày: 13/10/23
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Cục Xuất nhập khẩu

Trả lời công văn số 6493/BCT-XNK ngày 21 tháng 9 năm 2023 của quý Cục về việc xin ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quản lý nhập khẩu hàng tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA (lần 2), Vụ Chính sách thương mại đa biên có ý kiến như sau:

Về danh mục hàng tân trang: Qua rà soát Phụ lục danh mục hàng hóa tân trang kèm theo dự thảo Nghị định, Vụ CSTM Đa biên nhận thấy một số mã hàng tại Phụ lục này bị trùng với mã hàng không được coi là hàng tân trang theo quy định tại Phụ lục 2-A-5 của Hiệp định EVFTA và UKVFTA, cụ thể bao gồm: HS 8517.71.00, 8517.79, 8519.81, 8519.81.62, 8519.89. Do vậy, đề nghị quý Cục rà soát lại để bảo đảm phù hợp với cam kết của 2 Hiệp định này.

Trên đây là ý kiến của Vụ CSTM Đa biên gửi quý Cục tổng hợp và báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: WTO.

VỤ TRƯỞNG

Lương Hoàng Thái

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ PHÁP CHẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PC-XDPL
V/v ý kiến về dự thảo hồ sơ dự thảo Nghị định về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo EVFTA và UKVFTA (lần 2)

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU
ĐẾN Số: 3830
Ngày: 23/10
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Cục Xuất nhập khẩu

Trả lời văn bản số 6493/BCT-XNK ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ Công Thương đề nghị có ý kiến về hồ sơ dự thảo hồ sơ dự thảo Nghị định về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo EVFTA và UKVFTA (lần 2), Vụ Pháp chế có ý kiến như sau:

Về cơ bản, các nội dung của dự thảo Nghị định được kế thừa kết quả rà soát, phân công tại dự thảo Nghị định về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định CPTPP (hiện đã trình Chính phủ ký ban hành). Do đó, Vụ Pháp chế không có ý kiến về các nội dung này.

Đối với Danh mục hàng hóa tân trang chi tiết theo mã HS thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ chuyên ngành, đề nghị Quý Cục tổng hợp ý kiến của các Bộ này.

Theo Chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2023 của Bộ Công Thương, dự thảo Nghị định có thời gian trình là tháng 9/2023. Ngày 6 tháng 10 năm 2023, Bộ Công Thương (do Quý Cục chủ trì) đã có văn bản số 6974/BCT-XNK báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái xin lùi thời gian trình dự thảo Nghị định sang Quý IV/2023. Do đó, đề nghị Quý Cục khẩn trương đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện dự thảo để sớm trình Chính phủ, đồng thời bám sát chỉ đạo của Chính phủ và lãnh đạo Chính phủ.

Vụ Pháp chế gửi Quý Cục tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: PC, XDPL (maibt).

KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Trần Đỗ Quyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KHCN

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2023

V/v góp ý dự thảo hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang (lần 2)

Kính gửi: Cục Xuất Nhập khẩu

Vụ Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 6493/BCT-XNK ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc xin ý kiến về dự thảo hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKFTA (lần 2). Vụ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

Để đảm bảo việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước phù hợp các quy định pháp luật chuyên ngành, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo rà soát lại căn cứ pháp lý về phân công trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương đối với: Lò phản ứng hạt nhân (84.01), cân (84.23) tại Phụ lục IV của dự thảo Nghị định (Danh mục của Bộ Công Thương). Lý do: Theo Luật Chất lượng Sản phẩm hàng hóa và Luật Đo lường, các hàng hóa trên thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trên đây là ý kiến của Vụ Khoa học và Công nghệ để Cục Xuất Nhập khẩu tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: KHCN, hanhvth.

KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Trần Minh

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1927**/ATMT-ATKV	*Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2023*
V/v ý kiến về hồ sơ dự thảo Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA	

Kính gửi: Cục Xuất nhập khẩu

Thực hiện Công văn số 6493/BCT-XNK ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc xin ý kiến đối với Dự thảo hồ sơ Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA. Sau khi xem xét, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp nhất trí với hồ sơ Dự thảo Nghị định quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA.

Đề nghị Cục Xuất nhập khẩu tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, ATKV.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP
BỘ CÔNG THƯƠNG

[illegible]ương Dung